

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 25-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long
2. Bà Lê Thị Xuân Lang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo sự ủy quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Bà Nguyễn Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 787/TLST-HS ngày 19/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Ngô Trí Đ (Tên gọi khác: Không); giới tính: nam; sinh ngày 12 tháng 11 năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số X (số cũ: N) đường Y, Phường Z, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X1 đường Y1, phường Z1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó tổng giám đốc Ngân hàng DT kiêm Giám đốc Ngân hàng DT - Chi nhánh Sài Gòn; con ông Ngô Văn C và bà Đỗ Thị O; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Ngày 04/5/2018, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” (án chưa có hiệu lực pháp luật);

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/08/2018 (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên XD Việt Nam.

Trụ sở: X3 đường Y3, Phường Z3, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn D, Sinh năm: 1986

Chức vụ: Cán bộ pháp chế Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên XD Việt Nam (Có mặt).

Người bào chữa:

1. Bà Bùi Thị Hồng Giang, Luật sư của công ty luật TNHH Bùi Gia và Cộng sự, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Đình Ngọc, Luật sư Văn phòng luật sư Thiên Ứng, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo (Có mặt).

3. Ông Lê Đình Ứng, Luật sư Văn phòng luật sư Thiên Ứng, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả xét xử vụ án Hứa Thị P và đồng phạm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 08/5/2018 đến ngày 31/5/2018 cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần DT (viết tắt Ngân hàng DT), tiền thân là Ngân hàng Nông thôn cổ phần RK, được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động ngày 29/12/1993. Đầu năm 2007, Hứa Thị P cùng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển PM và 14 cá nhân có quan hệ gia đình và họ hàng, đứng tên giúp Hứa Thị P (gọi tắt là Nhóm PM) đã mua 254.751.970 cổ phần Ngân hàng DT, tương đương 2.547.519.700.000 đồng, chiếm 84,92% vốn điều lệ, Hứa Thị P chính thức giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị với nhiệm vụ tư vấn cho Thường trực HĐQT về công tác quản trị và hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng DT.

Ngân hàng thương mại cổ phần DT – Chi nhánh Sài Gòn, được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập theo quyết định số 675 ngày 27/3/2008, được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ngày 20/10/2009 do Ngô Trí Đ làm Giám đốc.

Mặc dù Ngân hàng DT đang gặp khó khăn về thanh khoản, tồn quỹ tiền mặt trung bình chỉ khoảng 20 tỷ đồng, không đủ tiền để giải ngân nhưng từ ngày 26/05/2010 đến ngày 11/02/2012, Hứa Thị P đã lợi dụng ảnh hưởng của mình tại Ngân hàng DT, thông qua Bùi Thị Kim L (Kế toán Công ty PM của bị can P) chỉ đạo một số cán bộ, nhân viên Ngân hàng DT - CN Sài Gòn và CN Lam Giang lập chứng từ thu khống tiền mặt vào kho quỹ cho Nhóm PM của P số tiền 5.256.590.237.290 đồng, rồi hạch toán khống trên hệ thống SmartBank (gồm: Thu tất toán khống gốc và lãi các khoản vay của Nhóm PM của bị can P; thu tất toán khống gốc và lãi các khoản vay của Công ty PT mà Nhóm PM sử dụng; nộp tiền

không vào Tài khoản của các công ty và cá nhân thuộc Nhóm PM). Sau đó lợi dụng việc công ty cổ phần đầu tư PT cùng 18 công ty và 22 cá nhân có quan hệ hợp tác (gọi tắt là công ty PT) có nhu cầu vay vốn lớn tại Ngân hàng Đại Tín, P đã yêu cầu công ty PT ký trước hồ sơ vay, chứng từ giải ngân và chứng từ rút tiền mặt; chỉ không tiền giải ngân các khoản vay của Công ty PT (không chuyển tiền hoặc chuyển tiền không đủ cho Công ty PT), cản trở với các chứng từ thu không số tiền 5.256.590.237.290 đồng trên, để không làm chênh lệch tồn quỹ tiền mặt thực tế so với số liệu tiền mặt trên sổ sách hạch toán, che dấu hành vi phạm tội, đẩy dư nợ không cho Công ty PT.

Tại Ngân hàng DT – CN Sài Gòn, Ngô Trí Đ là người đứng đầu và đại diện trước pháp luật của Chi nhánh; được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc bổ nhiệm nhưng đã buông lỏng quản lý, không làm hết chức trách, nhiệm vụ được giao để xảy ra hàng loạt sai phạm tại chi nhánh, cụ thể như sau:

Hứa Thị P đã chỉ đạo Vũ Thị Như T - Nguyên Trưởng Phòng Kế toán, Phó Giám đốc phụ trách Kế toán – Ngân quỹ và các cán bộ, nhân viên Phòng Kế toán, Phòng Ngân quỹ, thực hiện việc lập chứng từ thu không tiền mặt vào kho quỹ cho Nhóm PM của bị can P 4.937.590.237.290 đồng, đẩy dư nợ không cho Công ty PT; gây thiệt hại cho Ngân hàng DT – CN Sài Gòn 4.937.590.237.290 đồng.

Để bù đắp chênh lệch thu chi không, P đã chỉ đạo Ngô Thị N - Thủ quỹ chính Ngân hàng DT – CN Sài Gòn rút 4.554,2 tỷ đồng tiền mặt từ Ngân hàng Nhà nước nhưng không đem về nộp kho quỹ ngân hàng theo quy định, mà đem đến tầng 6 Toàn nhà LG - Phòng làm việc của Hứa Thị P, giao cho khách hàng mà không ký chứng từ, đến nay chưa chứng minh được người sử dụng đối với số tiền 208.413.762.710 đồng, gây thiệt hại cho Ngân hàng DT – CN Sài Gòn.

Tại Bản cáo trạng số 02/CTr-VKSTC-V3 ngày 18/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo Ngô Trí Đ về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt:

- + Bị cáo Ngô Trí Đ từ 02 đến 03 năm tù.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến: Các luật sư thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư Ngọc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân, bối cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội cũng như vai trò của bị cáo đối với hậu quả thiệt hại xảy ra tại Ngân

hàng DT như bị cáo tuy là chức danh giám đốc nhưng đã hoàn toàn bị vô hiệu hóa nên không thể phát hiện được các sai phạm xảy ra, các luật sư cũng nêu các tình tiết giảm nhẹ để xin Hội đồng xét xử có mức án khoan hồng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như các hợp đồng, chứng từ kế toán, kết quả định giá tài sản, biên bản ghi lời khai người làm chứng và các biên bản hoạt động điều tra, xác minh khác....có đủ cơ sở xác định quá trình quản lý, điều hành Ngân hàng DT – Chi nhánh Sài Gòn từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2012 mặc dù bị cáo không tham gia tổ chức chỉ đạo, phân công nhưng với chức danh được bổ nhiệm cũng như nhiệm vụ được giao bị cáo Đ đã không giám sát việc xuất, nhập, bảo quản tài sản trong kho tiền để nhân viên dưới quyền thực hiện lập chứng từ và hoạch toán thu không tiền mặt vào kho quỹ, chi không tiền giải ngân các khoản vay của của công ty PT, để thủ quỹ chi nhánh nhận lệnh điều chuyển vốn từ Ngân hàng Nhà nước nhưng không nhập về quỹ chi nhánh mà giao cho khách hàng và không ký chứng từ nhận tiền đã vi phạm Điều 12, Điều 63 Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá ban hành kèm theo Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 1 Quyết định số 150/2010/QĐ-CNSG ngày 14/4/2010; Điều 15, Điều 64 Quyết định số 72/QĐ-NHĐT-CNSG ngày 27/01/2011; Điều 13 Quyết định số 39/2012/QĐ-NHĐT-CNSG ngày 19/01/2012 của Ngân hàng DT – Chi nhánh Sài Gòn; Quyết định số 218/2011/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2011 của Ngân hàng DT – Chi nhánh Sài Gòn. Hậu quả thiệt hại do hành vi trên gây ra được xác định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 618/2018/PTHS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2011, Chi nhánh Sài Gòn – Ngân hàng DT đã thực hiện 71 khoản vay và 01 khoản phát hành trái phiếu với công ty cổ phần đầu tư PT cùng 18 công ty và 22 cá nhân có quan hệ hợp tác (gọi tắt là công ty

PT) nhưng chỉ thực hiện giải ngân một phần, còn lại hạch toán cân đối với các khoản vay của nhóm PM khi đến hạn thanh toán lãi, gốc cũng như để Hứa Thị P sử dụng vào nhiều mục đích khác, gây thiệt hại cho Ngân hàng DT – Chi nhánh Sài Gòn số tiền 4.937.590.237.290 đồng.

Để cân đối giữa chứng từ chi giải ngân không cho công ty PT và chứng từ thu, Ngô Thị N còn thực hiện chỉ đạo của Hứa Thị P nhận tiền theo Lệnh điều chuyển vốn từ Ngân hàng Nhà nước về chi nhánh Sài Gòn nhưng không nhập quỹ mà tự ý đem đến phòng làm việc của Hứa Thị P, giao cho khách hàng mà không ký chứng từ, gây thiệt hại 208.413.762.710 đồng,

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Ngô Trí Đ phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo bản thân là Giám đốc Ngân hàng DT - Chi nhánh Sài Gòn có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động tại chi nhánh và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc điều hành nói trên. Nhưng bị cáo đã thiếu kiểm tra, giám sát, buông lỏng quản lý để nhân viên dưới quyền thực hiện hàng loạt hành vi trái pháp luật trong việc thu, chi tiền mặt cũng như điều vốn từ ngân hàng Nhà nước, gây thiệt hại cho Ngân hàng DT tổng số tiền 5.146.004.000.000 đồng thuộc trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo với mức án tương xứng.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo thể hiện ăn năn, hối cải. Xét về bối cảnh phạm tội, xuyên suốt quá trình phát hiện và xử lý các sai phạm xảy ra tại Ngân hàng DT xác định các bị cáo đã và đang bị đưa ra xét xử, dù với vai trò và vị trí khác nhau nhưng đều chịu sự chi phối nhất định từ Hứa Thị P là chủ Ngân hàng DT cũng là người trực tiếp chỉ đạo việc thu chi khổng. Trong vụ án này, việc chỉ đạo trên đều được thực hiện trực tiếp mà không thông qua bị cáo. Ngoài chi nhánh do bị cáo quản lý, tình trạng trên cũng diễn ra tại đơn vị khác. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận lời bào chữa của các luật sư và đánh giá vai trò của bị cáo có hạn chế nhất định nên xem xét giảm cho bị cáo một mức hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Ngoài ra, cũng có xem xét bị cáo có nhiều thành tích đóng góp trong quá trình làm việc, bản thân bị cáo cũng có nhiều bệnh tật nên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và khoan hồng cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Bị cáo Ngô Trí Đ đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo Bản án số 142/2018/HS-ST ngày 04/5/2018 (xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ

chức tín dụng”), tuy nhiên bản án hiện này chưa có hiệu lực pháp luật, bị cáo phạm tội cùng một thời điểm và 02 bản án là hình phạt khác loại nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cấm bị cáo làm các công việc có liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời gian nhất định.

[6] Về trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 618/2018/PTHS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với Hứa Thị P và đồng phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Ngô Trí Đ** phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 5; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: Ngô Trí Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2018.

Cấm bị cáo làm công việc có liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (3)
- THAHS TAND TP.HCM; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên

Kết quả biểu quyết:

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút ngày 31 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, thống nhất và đồng ý ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Lương Toàn